

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Nước cất / Distilled water

Mã CAS: 7732-18-5

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Nước cất
- Tên khác:** H₂O, Distilled water, Purified water
- Công thức phân tử:** H₂O
- Khối lượng phân tử:** 18,02 g/mol
- Sử dụng đã định:** Pha chế dung dịch, thí nghiệm, sản xuất dược phẩm và công nghiệp
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:** Không phân loại là hóa chất nguy hại
- Câu cảnh báo nguy hiểm:** Không áp dụng
- Câu phòng ngừa:** Không áp dụng

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

- Tên hóa chất:** Nước cất
- Công thức:** H₂O
- Tỷ lệ:** ≥ 99,9%
- Mã CAS:** 7732-18-5

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Không nguy hại
- Tiếp xúc da:** Không nguy hại
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt bằng nước nếu cần
- Nuốt phải:** Không gây hại

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không cháy
- Chất chữa cháy phù hợp:** Không áp dụng
- Trang bị bảo hộ:** Không áp dụng

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Không áp dụng
- Biện pháp môi trường:** Không áp dụng
- Phương pháp làm sạch:** Lau hoặc hút nước tràn, không gây ô nhiễm

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, công nghiệp, pha chế
- Bảo quản:** Nơi khô ráo, mát, đậy kín
- Không tương thích:** Không áp dụng

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (ACGIH):** Không áp dụng
- **Bảo hộ cá nhân:** Không bắt buộc

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Lỏng
- **Màu sắc:** Không màu
- **Mùi:** Không mùi
- **Điểm sôi:** 100°C
- **Điểm đông đặc:** 0°C
- **Độ tan:** Tan hoàn toàn trong nước (bản thân là nước)
- **pH (dung dịch 1%):** ~7
- **Tỷ trọng:** 1 g/cm³

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Tính ổn định:** Ổn định trong điều kiện thường
- **Phản ứng nguy hiểm:** Không có
- **Tránh tiếp xúc với:** Không áp dụng
- **Sản phẩm phân hủy:** Không áp dụng

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50:** Không xác định (hầu như không độc)
- **Nguy cơ:** Không gây kích ứng hay độc tính

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh:** Không độc
- **Khả năng phân hủy sinh học:** Không áp dụng
- **Tác động môi trường:** Không gây ảnh hưởng

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Xử lý chất thải:** Có thể xả trực tiếp vào cống rãnh hoặc tái sử dụng
- **Bao bì:** Tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định địa phương

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Tên vận chuyển quốc tế:** Water
- **UN Number:** Không áp dụng
- **Nhóm đóng gói:** Không áp dụng
- **Nguy cơ vận chuyển:** Không có

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Quy định Việt Nam:** Không nằm trong danh mục hóa chất nguy hiểm
- **Quy định quốc tế (GHS):** Không phân loại là nguy hiểm
- **REACH/EINECS:** Có mặt trong danh mục (EINECS: 231-791-2)

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 25/11/2025
- **Nguồn tham khảo:** PubChem, Sigma-Aldrich, TCVN/Bộ Công Thương
- **Khuyến cáo:** Sử dụng theo mục đích chuyên môn, bảo quản kín, tránh nhiễm bẩn.
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế